



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 03 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Xét nghiệm**

Medical Laboratory: **Clinical Laboratory Department**

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện K**

Organization: **Vietnam National Cancer Hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Field of medical testing: **Hematology**

Người phụ trách/ **Đieu Thị Thuý Chuyên**

Representative: **Dieu Thi Thuy Chuyen**

Số hiệu/ Code: **VILAS MED 211**

Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến năm 14/01/2030

Địa chỉ/ Address: **Số 30 Cầu Bươu, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội**

No 30 Cau Buou Street, Thanh Liet Ward, Ha Noi City

Địa điểm/Location: **Số 30 Cầu Bươu, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội**

No 30 Cau Buou Street, Thanh Liet Ward, Ha Noi City

Điện thoại/Tel: **0395564200**

Email: **khoaxetnghieimbvk@gmail.com**

Website: **www.benhvienk.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 211

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) Whole Blood (EDTA)	Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	QTXN.HH.02 (2025) (XN1000-R)
2.		Định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HBG)</i>		QTXN.HH.03 (2025) (XN1000-R)
3.		Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTXN.HH.01 (2025) (XN1000-R)
4.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>		QTXN.HH.05 (2025) (XN1000-R)
5.		Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	QTXN.HH.12 (2025) (DXH 900-1)
6.		Định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HBG)</i>		QTXN.HH.13 (2025) (DXH 900-1)
7.		Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTXN.HH.11 (2025) (DXH 900-1)
8.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>		QTXN.HH.15 (2025) (DXH 900-1)
9.	Huyết tương (Citrat) Plasma (Citrat)	Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTTs) <i>Activated partial thromboplastin time in second</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	QTXN.HH.17 (2025) (ACL TOP 550)
10.		Định lượng Fibrinogen <i>Fibrinogen quantification</i>		QTXN.HH.20 (2025) (ACL TOP 550)
11.		Thời gian Prothrombin theo giây <i>Prothrombin time in second</i>		QTXN.HH.19 (2025) (ACL TOP 550)
12.		Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTTs) <i>Activated partial thromboplastin time in second</i>		QTXN.HH.27 (2025) (CS - 2500)
13.		Định lượng Fibrinogen <i>Fibrinogen quantification</i>		QTXN.HH.22 (2025) (CS - 2500)
14.		Thời gian Prothrombin theo giây <i>Prothrombin time in second</i>		QTXN.HH.24 (2025) (CS - 2500)

Ghi chú/ Note:

- QTXN.HH....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Khoa Xét nghiệm, Bệnh viện K cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Clinical Laboratory Department, Vietnam National Cancer Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*